

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2025/HS-ST
Ngày: 25/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Điệp;
2. Ông Thái Minh Trí .

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Vân Hoàng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 13/2025/HS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Thạch Hoài H (tên gọi khác: không có), sinh năm 1985 tại tỉnh Cà Mau.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Khơ - me; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch K và bà Trần Thị T; Bị cáo có vợ tên Danh Thị Sa N và có 02 (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại điều tra (có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Phan Thị Như Ý, sinh năm 1990 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Anh Trần Thanh H1, sinh năm 1998 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Chị Thái Thị Nghi E, sinh năm 2000 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.
- Chị Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

5. Chị Thiều Ngọc H2, sinh năm 1993 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

6. Anh Nguyễn Phúc T1, sinh năm 1996 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

7. Chị Huỳnh Thị Kiều H3, sinh năm 1992 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

8. Anh Lê Văn K1, sinh năm 1997 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

9. Anh Dương Nhật T2, sinh năm 1994 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp R, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

10. Chị Nguyễn Kiều D, sinh năm 1988 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

11. Chị Liêu Thị Thúy K2, sinh năm 2001 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

12. Chị Trần Thùy D1, sinh năm 1997 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

13. Anh Nguyễn Tam P, sinh năm 1983 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

14. Chị Khâu Thị N1, sinh năm 1972 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

15. Anh Trương Thái C1, sinh năm 1992 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp Thị C2, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

16. Chị Tô Ngọc Á, sinh năm 2001 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

17. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1994 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

18. Chị Huỳnh Thị Kim T4, sinh năm 1992 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

19. Anh Phạm Văn K3, sinh năm 2000 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch Hoài H là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định và muốn có tiền tiêu xài nên đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Để thực hiện hành vi, Thạch Hoài H lợi dụng các mối quan hệ xã hội với một số cá nhân là công

nhân trong các công ty trên địa bàn huyện N để cho vay tiền tiêu dùng bằng hình thức trả góp với lãi suất vượt quá quy định của Bộ luật dân sự với lãi suất 120%/năm. Từ đầu năm 2023 đến tháng 10/2024, Thạch Hoài H đã thực hiện hành vi cho 32 người vay với lãi suất 120%/1 năm, trong đó cho 19 người vay (có nhân thân lai lịch) và 14 người vay (chưa rõ nhân thân, lai lịch), cụ thể như sau:

1. Phan Thị Như Ý, sinh năm 1990, vay của Thạch Hoài H với tổng số tiền 7.500.000 đồng. Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 10/10/2024 với lãi suất 120%/1 năm, Ý đã trả lãi cho H với số tiền 11.500.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 2.125.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 9.375.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

2. Trần Thanh H1, sinh năm 1998, vay của Thạch Hoài H tổng số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 01/10/2023 đến ngày 10/5/2024. Ngày 10/5/2024 H1 tiếp tục vay của H số tiền 3.000.000 đồng với lãi suất 120%/1 năm. Kể từ ngày 01/10/2023 đến ngày 10/10/2024 H1 đã trả tiền lãi cho H với tổng số tiền lãi là 3.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 566.667 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.833.333 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

3. Thái Thị Nghi E, sinh năm 2000, vay của Thạch Hoài H số tiền 2.000.000 đồng từ ngày 01/8/2024, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/8/2024 đến ngày 10/10/2024 Em đã trả lãi cho H với số tiền 200.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 33.333 đồng, tiền thu lợi bất chính là 166.667 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

4. Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1993, vay của Thạch Hoài H số tiền 3.000.000 đồng từ ngày 01/4/2024, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/4/2024 đến ngày 10/10/2024, C đã trả lãi cho H với số tiền là 1.500.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 250.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.250.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

5. Thiều Ngọc H2, sinh năm 1994, vay của Thạch Hoài H với số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm từ ngày 01/01/2024. Ngày 01/2024 đến ngày 10/10/2024, H2 đã trả lãi cho H với số tiền là 2.700.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 450.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.250.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

6. Nguyễn Phúc T1, sinh năm 1986, vay của Thạch Hoài H với số tiền 4.000.000 đồng, từ ngày 01/6/2024 với lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/6/2024 đến ngày 10/10/2024 T1 đã trả lãi cho H 1.200.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 200.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

7. Huỳnh Thị Kiều H3, sinh năm: 1992 ngụ tại thôn A, xã B, huyện K, Đắc Lắc vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm từ ngày 10/6/2024. Ngày 10/6/2024 đến ngày 10/10/2024, H3 đã trả tiền cho H với số tiền là 900.000 đồng, trong đó tiền

lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 150.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 750.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

8. Lê Văn K1, sinh năm 1990, vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/3/2023 đến ngày 10/10/2024, K1 đã trả lãi cho H với số tiền là 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 900.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.500.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

9. Trần Thùy D1, sinh năm 1997, vay số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/10/2024, D1 đã trả lãi cho H với số tiền 5.400.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 900.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 4.500.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

10. Dương Nhật T2, sinh năm 1994, vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/8/2023 đến ngày 10/10/2024, T2 đã trả lãi cho H với số tiền 1.900.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 316.667 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.583.333 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

11. Nguyễn Kiều D, sinh năm 1988, vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 10/8/2024 đến ngày 10/10/2024, D đã trả lãi cho H với số tiền là 300.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 50.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 250.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

12. Liêu Thị Thúy K2, sinh năm 2001, vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 10/6/2024 đến ngày 10/10/2024, K2 đã trả lãi cho H số tiền là 900.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 150.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 750.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

13. Nguyễn Tam P, sinh năm: 1983, ngụ tại ấp T, xã L, C, Cà Mau vay số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 10/10/2024, P đã trả lãi cho H với số tiền là 7.500.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 1.250.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 6.250.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

14. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1994 vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/5/2024 đến ngày 10/10/2024, T3 đã trả lãi cho H với số tiền là 1.600.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 266.667 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.333.333 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

15. Khâu Thị N1, sinh năm 1972, vay của H số tiền 2.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/5/2024 đến ngày 10/10/2024, N1 đã trả lãi cho H với số tiền là 1.000.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 166.667 đồng, tiền thu lợi bất chính là 833.333 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

16. Trương Công T5, sinh năm 1992, vay của H số tiền 8.500.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/7/2024 đến ngày 10/10/2024, T5 đã trả lãi cho H với số tiền là 2.550.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 425.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.125.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

17. Tô Ngọc Á, sinh năm 2001, số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/4/2024 đến ngày 01/09/2024, Á đã trả tiền lãi cho H với số tiền là 3.500.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 583.333 đồng, tiền thu lợi bất chính là 2.916.667 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm). Đến ngày 15/09/2024, Á tiếp tục vay số tiền 4.000.000 đồng của H, lãi suất 120%/năm nhưng chưa đóng tiền lãi cho H.

18. Huỳnh Thị Kim T4, sinh năm 1992, vay số tiền 4.000.000 đồng của H, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/9/2024 đến ngày 10/10/2024, T4 đã trả lãi cho H với số tiền là 1.200.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 200.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 1.000.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

19. Ngày 01/03/2024, Phan Văn K4, sinh năm 2000, vay của H số tiền 6.000.000 đồng, lãi suất 120%/năm. Từ ngày 01/3/2024 đến ngày 10/10/2024, K4 đã trả lãi cho H với số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó tiền lãi hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 600.000 đồng, tiền thu lợi bất chính là 3.000.000 đồng (phần tiền vượt quá 20%/1 năm).

Đến nay, đã xác định được Thạch Hoài H cho 19 người vay, gồm: Phan Thị Như Ý, Trần Thanh H1, Thái Thị Nghi E, Trần Thị Mỹ C, Thêu Ngọc H4, Nguyễn Phúc T1, Huỳnh Thị Kiều H3, Lê Văn K1, Trần Thùy D1, Dương Nhật T2, Nguyễn Kiều D, Liêu Thị Thúy K2, Nguyễn Tam P, Nguyễn Văn T3, Khâu Thị N1, Trương Công T5, Tô Ngọc Á, Huỳnh Thị Kim T4, Phan Văn K4 thì H đã cho vay số tiền với số tiền gốc là 85.000.000 đồng, đã thu lãi số tiền 56.000.000 đồng. Cụ thể: tiền lãi hợp pháp H thu được là 9.333.333 đồng, số tiền H thu lợi bất chính là 46.666.667 đồng.

Ngoài ra, Thạch Hoài H còn cho vay 14 người, không rõ nhân thân, lai lịch vay với tổng số tiền 46.500.000 đồng, lãi suất 120%/1 năm, thu lãi được 15.750.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 13.125.000 đồng.

Ngày 10/10/2024, Công an huyện N phối hợp Đoàn Công an Khu công nghiệp Nhơn Trạch kiểm tra, phát hiện Thạch Hoài H đang sử dụng 30 thẻ ATM để rút tiền tại trụ ATM ngân hàng S thuộc đường T, Khu công nghiệp N nên tiến hành lập biên bản vụ việc. Đến ngày 11/11/2024, H đến Đoàn Công an Khu Công Nghiệp đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ:

+ Số tiền 1.500.000 đồng, 30 thẻ ATM, 01 Căn cước công dân tên Thạch Hoài H.

+ 01 điện thoại di động hiệu Vivo V20 màu xanh đen của Thạch Hoài H đã trả lại cho H.

+ Số tiền 10.000.000 đồng là tiền thu lợi bất chính do H giao nộp.

+ 01 cuốn sổ bảo hiểm tên Trần Chí H5 đã trả lại cho Trần Chí H5.

+ 01 cuốn sổ ghi những người vay tiền do H giao nộp.

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Nguyễn Văn T3

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Trần Thị Mỹ C

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Thái Thị Nghi E

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Thêu Ngọc H4

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Nguyễn Kiều D

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Lưu Thị Thúy K5

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Lê Văn K1

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Huỳnh Thị Kiều H3

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Trương Công T5

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Danh Nhật T6

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Phan Thị Như Ý

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Nguyễn Phúc T1

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V tên Nguyễn Tam P

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V1 tên Khâu Thị N1

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V1 tên Tô Ngọc Á

+ 01 thẻ ATM ngân hàng S1 tên Huỳnh Thị Kim T4.

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V1 và 01 thẻ V2 tên Trần Thanh H1.

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V1 và 01 thẻ V2 tên Dương Nhật T2.

+ 01 thẻ ATM ngân hàng V1 tên Trần Thùy D1

- Cơ quan điều tra đã trả lại các thẻ ATM và căn cước công dân cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 1850/QĐ-ĐCSHS-KTMT ngày 03/12/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo **Thạch Hoài H** Từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

Buộc bị cáo Thạch Hoài H phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 8.625.000 đồng gồm: 1.875.000 đồng cho Phan Thị Như Ý; 2.250.000 đồng cho Thiều Ngọc H2; 1.000.000 đồng cho Nguyễn Phúc T1; 1.500.000 đồng cho Lê Văn K1; 750.000 đồng cho Liêu Thị Thúy K2; 1.250.000 đồng cho Nguyễn Tam P.

Buộc những người liên quan phải trả lại số tiền gốc là 32.458.334 đồng để sung công quỹ Nhà nước gồm: Trần Thanh H1 phải trả số tiền gốc là 2.166.667 đồng; Thái Thị Nghi E phải trả số tiền gốc là 1.833.333 đồng; Trần Thị Mỹ C phải trả số tiền gốc là 1.750.000 đồng; Huỳnh Thị Kiều H3 phải trả số tiền gốc là 2.250.000 đồng; Trần Thùy D1 phải trả số tiền gốc là 1.500.000 đồng; Dương Nhật T2 phải trả số tiền 3.416.667 đồng; Nguyễn Kiều D phải trả số tiền gốc là 2.750.000 đồng; Nguyễn Văn T3 phải trả số tiền gốc là 1.666.667 đồng; Khâu Thị N1 phải trả lại số tiền gốc là 1.166.667 đồng; Trương Công T5 phải trả số tiền gốc là 6.375.000 đồng; Tô Ngọc Á phải trả số tiền gốc là 1.083.333 đồng; Huỳnh Thị Kim T4 phải trả số tiền gốc là 3.000.000 đồng; Phan Văn K4 phải trả số tiền gốc là 3.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Thạch Hoài H giao nộp tổng số tiền 99.916.666 đồng (gồm: 9.333.333 đồng tương ứng với lãi suất 20%/năm và số tiền gốc thực tế Hồ phải nộp thêm 90.583.333 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng của H giao nộp để đảm bảo thi hành án.

- Trả số tiền 1.500.000 đồng cho H do không liên quan đến vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Thạch Hoài H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Bị cáo không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, không tranh luận đối với bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Lời nói sau cùng của bị cáo tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy giai đoạn điều tra những người này đã có lời khai đầy đủ nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2023 đến tháng 10 năm 2024 tại công ty M thuộc khu công nghiệp A, huyện N, Thạch Hoài H đã cho 19 người vay là Phan Thị Như Ý, Trần Thanh H1, Thái Thị Nghi E, Trần Thị Mỹ C, Thêu Ngọc H4, Nguyễn Phúc T1, Huỳnh Thị Kiều H3, Lê Văn K1, Trần Thùy D1, Dương Nhật T2, Nguyễn Kiều D, Liêu Thị Thúy K2, Nguyễn Tam P, Nguyễn Văn T3, Khâu Thị N1, Trương Công T5, Tô Ngọc Á, Huỳnh Thị Kim T4, Phan Văn K4 vay số tiền tổng cộng là 85.000.000 đồng, lãi suất 120%/1 năm, cao gấp 5 lần quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và thu lợi bất chính được số tiền 46.666.667 đồng, thu lãi theo mức tương ứng 20%/năm là 9.333.333 đồng thì bị phát hiện xử lý.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mà bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo bản thân nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi cuộc sống ngoài xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục, răn đe đối với bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo khai bị cáo làm công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng là 7.000.000 đồng. Do đó, áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian bị cáo cải tạo tại địa phương với mức 10% của tổng thu nhập hàng tháng là 7.000.000 đồng = 700.000 đồng để sung quỹ Nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về hình phạt bổ sung: Đã áp dụng khấu trừ thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

Các vật chứng thu giữ là điện thoại, thẻ ATM đã được trả lại cho chủ sở hữu đều hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền thu lời bất chính mà bị cáo đã thu từ người vay sau khi đã trừ đi tiền gốc mà người vay đã trả cho bị cáo, cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay. Như vậy, bị cáo Thạch Hoài H phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 8.625.000 đồng gồm: 1.875.000 đồng cho Phan Thị Như Ý; 2.250.000 đồng cho Thiều Ngọc H2; 1.000.000 đồng cho Nguyễn Phúc T1; 1.500.000 đồng cho Lê Văn K1; 750.000 đồng cho Liêu Thị Thúy K2; 1.250.000 đồng cho Nguyễn Tam P.

Đối với số tiền gốc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo gồm số tiền gốc là 32.458.334 đồng cần truy thu để sung công quỹ Nhà Nước gồm: Trần Thanh H1 phải nộp 2.166.667 đồng; Thái Thị Nghi E phải nộp 1.833.333 đồng; Trần Thị Mỹ C phải nộp 1.750.000 đồng; Huỳnh Thị Kiều H3 phải nộp 2.250.000 đồng; Trần Thùy D1 phải nộp 1.500.000 đồng; Dương Nhật T2 phải nộp 3.416.667 đồng; Nguyễn Kiều D phải nộp 2.750.000 đồng; Nguyễn Văn T3 phải nộp 1.666.667 đồng; Khâu Thị N1 phải nộp 1.166.667 đồng; Trương Công T5 phải nộp 6.375.000 đồng; Tô Ngọc Á phải nộp 1.083.333 đồng; Huỳnh Thị Kim T4 phải nộp 3.000.000 đồng; Phan Văn K4 phải nộp 3.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Thạch Hoài H giao nộp tổng số tiền 108.541.000 đồng (gồm: 9.333.333 đồng tương ứng với lãi suất 20%/năm và số tiền gốc thực tế H phải nộp thêm 52.541.000 đồng và 46.666.000 đồng tiền thu lời bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng của H giao nộp để đảm bảo thi hành án.

- Trả số tiền 1.500.000 đồng cho H do không liên quan đến vụ án.

Ngoài ra, Thạch Hoài H còn cho vay 14 người, không rõ nhân thân, lai lịch vay với tổng số tiền 46.500.000 đồng, lãi suất 120%/1 năm, thu lãi được 15.750.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 13.125.000 đồng. Do chưa xác minh làm việc được với 14 người này nên Cơ quan cảnh sát điều tra tách ra xác minh làm rõ và xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về tội danh, xử lý vật chứng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 201; Điều 50; Điều 36; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 135, khoản

2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thạch Hoài H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Thạch Hoài H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo bị tạm giữ 07 ngày từ ngày 11/10/2024 đến ngày 18/10/2024 nên trừ cho bị cáo 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự huyện N, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, áp dụng khấu trừ thu nhập mỗi tháng là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) đối với bị cáo Thạch Hoài H trong thời gian bị cáo cải tạo tại địa phương để nộp Ngân sách nhà nước. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Thạch Hoài H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp bị cáo áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Thạch Hoài H giao nộp tổng số tiền 108.541.000 đồng (gồm: 9.333.333 đồng tương ứng với lãi suất 20%/năm và số tiền gốc thực tế H phải nộp thêm 52.541.000 đồng và 46.666.000 đồng tiền thu lời bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Thạch Hoài H phải trả cho những người liên quan số tiền cụ thể như sau: 1.875.000 đồng cho Phan Thị Như Ý; 2.250.000 đồng cho Thiều Ngọc H2; 1.000.000 đồng cho Nguyễn Phúc T1; 1.500.000 đồng cho Lê Văn K1; 750.000 đồng cho Liêu Thị Thúy K2; 1.250.000 đồng cho Nguyễn Tam P.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp Ngân sách Nhà nước, số tiền cụ thể như sau: Trần Thanh H1 phải nộp 2.166.667 đồng; Thái Thị Nghi E phải nộp 1.833.333 đồng; Trần Thị Mỹ C phải nộp 1.750.000 đồng; Huỳnh Thị Kiều H3 phải nộp 2.250.000 đồng; Trần Thùy D1 phải nộp 1.500.000 đồng; Dương Nhật T2 phải nộp 3.416.667 đồng; Nguyễn Kiều D phải nộp 2.750.000 đồng; Nguyễn Văn T3 phải nộp 1.666.667 đồng; Khâu Thị N1 phải nộp 1.166.667 đồng; Trương

Công T5 phải nộp 6.375.000 đồng; Tô Ngọc Á phải nộp 1.083.333 đồng; Huỳnh Thị Kim T4 phải nộp 3.000.000 đồng; Phan Văn K4 phải nộp 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ nếu bị cáo không thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Thạch Hoài H để đảm bảo thi hành án.

- Trả số tiền 1.500.000 đồng cho H do không liên quan đến vụ án.

Vật chứng và tiền hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch theo Biên lai thu tiền số 0007386 ngày 17/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Thạch Hoài H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Nhơn Trạch;
- Công an huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THA dân sự H. Nhơn Trạch;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Oanh